

Bản án số: 182/2024/DS-PT

Ngày: 29/5/2024

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản
quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Phạm Tôn

Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 23 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 887/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Cụ Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1939. Vắng.

2. Cụ Nguyễn Văn L (chết năm 2011)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn L: cụ Hồ Thị Thanh H; ông Nguyễn Khánh L1, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Hồng L2 (chết năm 2011).

Cùng trú tại: E đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hồng L2: bà Hà Thị Kim C, sinh năm 1974; chị Nguyễn Hà Yến N, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Anh K, sinh năm 2008. Vắng.

Cùng địa chỉ: Số A đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Hồ Thị Thanh H, bà Hà Thị Kim C, ông Nguyễn Khánh L1 gồm:

1. Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1948; địa chỉ: Số C N, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Lương Thanh H1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số D đường N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh K1, sinh năm 1960; Có mặt.

2. Bà Tạ Thị Đan H2, sinh năm 1957; Vắng.

3. Ông Nguyễn Minh L3, sinh năm 1964; Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1964; Vắng.

Cùng địa chỉ: Số G H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1946; địa chỉ: Số F N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim A: ông Nguyễn Phúc Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Số B N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Minh N2, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ A (nay là Tổ F), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh N2: ông Nguyễn Minh L3, sinh năm 1964; địa chỉ: Số G H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

4. Ông Nguyễn Minh C1, sinh năm 1969; địa chỉ: G L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

5. Bà Nguyễn Thị Minh S (S1), sinh năm 1952; địa chỉ: khu dân cư A, thôn T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh S2: ông N3, Minh L4, sinh năm 1964; địa chỉ: Số G H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

6. Cụ Vũ Thị N4 (chết năm 2016).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N4 gồm: bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Minh S2 (san), bà Nguyễn Thị Kim C2, bà Nguyễn Thị Hoàng M và ông Nguyễn Minh N2. Vắng.

7. Bà Nguyễn Thị Kim C2, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Tấn H4 (chết năm 2007),

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Tấn H4 gồm: bà Nguyễn Thị Kim C2, sinh năm 1959 (vợ ông H4), anh Nguyễn Tấn K2, sinh năm 1979, chị Nguyễn Thị Thy D, sinh năm 1984 (là các con ông H4); Ông K2 có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Bà Nguyễn Thị Kim N5 (chết năm 2007).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Kim N5 gồm:

+ Anh Ngô Công P, sinh năm 1969; Vắng.

+ Chị Ngô Thị Thu V, sinh năm 1972; Vắng.

+ Chị Ngô Thị Ngọc H5, sinh năm 1976; Vắng.

+ Chị Ngô Thị Bích N6, sinh năm 1978; Vắng.

+ Anh Ngô Quốc P1, sinh năm 1981; Vắng.

Cùng địa chỉ: Số A, đường N, khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Quốc P1, chị Ngô Thị Bích N6, chị Ngô Thị Ngọc H5, chị Ngô Thị Thu V: Anh Ngô Công P, sinh năm 1969; địa chỉ: Số E T, khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng.

10. Anh Nguyễn Minh K3, sinh năm 1985. Vắng.

11. Chị Đoàn Thị Tú T, sinh năm 1988. Vắng.

12. Cháu Nguyễn Đức D1, sinh năm 2016. Vắng.

13. Cháu Nguyễn Thị Kim H6, sinh năm 2019. Vắng.

Người đại diện hợp pháp của cháu D1 và cháu H6: anh Nguyễn Minh K3, chị Đoàn Thị Tú T (là cha mẹ đẻ của cháu D1, cháu H6). Vắng.

14. Anh Nguyễn Minh H7, sinh năm 1993. Có mặt.

15. Chị Nguyễn Thùy Yên N7, sinh năm 1993. Vắng.

16. Cháu Nguyễn Đăng K4, sinh năm 2014. Có mặt.

17. Cháu Nguyễn Thùy Bảo C3, sinh năm 2016. Vắng.

Người đại diện hợp pháp của cháu K4 và cháu C3 là anh Nguyễn Minh H7 và chị Nguyễn Thùy Yên N7 (là cha mẹ đẻ cháu K4, cháu C3). Vắng.

18. Anh Nguyễn Minh K5, sinh năm 1989. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

19. Chị Nguyễn Thị Nhã K6, sinh năm 1991. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

20. Chị Nguyễn Thị Nhã K7, sinh năm 1994. Vắng.

Cùng địa chỉ: Số G đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

21. Ông Nguyễn Minh G (không rõ địa chỉ). Vắng.

Người kháng cáo: cụ Hồ Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn là vợ chồng cụ Hồ Thị Thanh H, cụ Nguyễn Văn L (chết năm 2011, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là mẹ con cụ H) và người đại diện theo ủy quyền của cụ H trình bày:*

Vợ chồng cố Trần Thị K8, cố Nguyễn Lộc 1 “Bản chúc thư” ngày 20/9/1949 về việc phân chia nhà, đất cho các con. Theo đó, cụ Nguyễn Văn L được chia lô đất số hiệu 1598, loại đất thổ cư, vườn có diện tích 01 mẫu, 6 sào, 7 thước (nay là thửa 2665, tờ bản đồ số 3 năm 2000, diện tích đo đạc thực tế 8.294,6m²). Cụ L đã làm nhà, trồng cây ăn trái và đào giếng nước trên thửa đất này. Năm 1954, cụ L tập kết ra B, nên đã giao toàn bộ nhà, đất trên cho vợ chồng cố L5 trông coi hộ. Sau khi vợ chồng cố L5 chết, cụ Nguyễn Văn T1 (anh trai cụ L) quản lý, sử dụng nhà đất này và đến tháng 7/1975, vợ chồng cụ L giao lại nhà đất cho bà Nguyễn Thị Kim A (con gái cụ T1) quản lý, trông coi hộ. Năm 1993, ông Nguyễn Minh K1, ông Nguyễn Minh L3 (các con của cụ T1) đã tự ý bao chiếm nhà đất trên để làm nhà ở. Nay cụ H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ L yêu cầu phía bị đơn phải trả lại thửa đất số 2665, tờ bản đồ số 3 (bản đồ năm 2000) phường Q, thành phố Q, loại đất T, diện tích đo đạc thực tế 8.294,6m². Yêu cầu phía bị đơn dỡ dọn toàn bộ tài sản trên đất để trả lại đất cho phía nguyên đơn. Đối với căn nhà trên đất và cây cối thì nguyên đơn không yêu cầu giải quyết vì căn nhà này hiện nay không còn; các cây cối thì hiện nay nguyên đơn không xác định được còn hay không và giá trị các tài sản này không lớn. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía

bị đơn phải hoàn trả lại số tiền thuế mà nguyên đơn đã nộp từ trước đến nay đối với thửa đất này.

** Bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Minh L3 và bà Nguyễn Thị H3; ông Nguyễn Minh K1, Tạ Thị Đan H2 trình bày:*

Thửa 2665, tờ bản đồ số 3 (bản đồ năm 2000), diện tích đo đạc thực tế 8.294,6m² có nguồn gốc của vợ chồng cố Nguyễn L6 và cố Trần Thị K8 để lại cho cụ Nguyễn Văn L theo “*Bản chúc thư*” ngày 20/9/1949. Năm 1954 cụ L đi tập kết ra B, gửi lại nhà đất cho cố L6, cố Kịch trông coi. Năm 1976 cụ L về quê đòi bán nhà đất này cho ông Phan Văn T2, cụ Nguyễn Văn T1 và cụ Vũ Thị N4 không muốn cụ L bán nhà đất cho người ngoài, nên đồng ý mua toàn bộ nhà đất của cụ L. Sau này, để hợp thức hóa việc chuyển nhượng nhà đất giữa cụ L và cụ T1 thì cụ L đã lập “*Giấy phân quyền sử dụng vườn cây, nhà ở*” và “*Giấy xin chuyển quyền sử dụng đất vườn*” cùng ngày 08/3/1993 để phân chia toàn bộ diện tích đất nêu trên cho các con của cụ T1. Quá trình sử dụng ông K1, bà H2 đã tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới và trồng cây ăn trái trên diện tích 6.740,4m², còn vợ chồng ông L3, bà H3 xây nhà, trồng cây ăn trái trên diện tích 1.554,2m² còn lại (theo sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty cổ phần Đ đo vẽ ngày 20/01/2022). Vì vậy, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Vũ Thị N4 (chết ngày 21/12/2016 là vợ của cụ Nguyễn Văn T1) trình bày:*

Cụ là vợ chính thức của cụ Nguyễn Văn T1, cụ và cụ T1 có 06 người con gồm: Nguyễn Thị Kim N5 (chết năm 2007), Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Minh S (S), Nguyễn Thị Kim C2, Nguyễn Thị Hoàng M và Nguyễn Minh N2. Ngoài ra cụ T1 còn sống chung với cụ Huỳnh Thị L7 có 04 người con chung gồm: Nguyễn Minh K1, Nguyễn Minh L3, Nguyễn Minh G và Nguyễn Minh C1 (bà L7 trở về chung sống với chồng cũ của bà từ năm 1975).

Theo chúc thư ngày 20/9/1949 của cố L6 và cố K8, thì cụ L được cha, mẹ lập di chúc chia cho hưởng thừa kế 01 mẫu, 06 sào, 07 thước đất thuộc số hiệu 1589 thời Pháp. Năm 1954, cụ L đi tập kết ra B. Năm 1976, cụ L về quê, định bán nhà đất trên cho ông Phan Văn T2. Vì không muốn cụ L bán nhà, chuyển nhượng đất cho người ngoài nên vợ chồng cụ đồng ý mua nhà, nhận chuyển nhượng đất của cụ L với giá 6.000đ (tương đương với 05 cây vàng). Do không đủ số vàng nên cụ T1 và cụ đồng ý cho bà Nguyễn Thị Kim A góp 2000đ và đồng ý để bà A đứng ra nhận chuyển nhượng nhà, đất của cụ L. Sau đó, cụ T1 và cụ L đã bàn bạc thảo luận và cụ L đã lập “*Giấy phân quyền sử dụng vườn cây, nhà ở*” ngày 08/3/1993 với nội dung cụ L phân chia toàn bộ diện tích đất trên cho 10 người con của cụ T1. Nay nguyên đơn đòi lại thửa đất trên, cụ yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim A là ông Nguyễn Phúc Q trình bày:*

Năm 1975, do đang công tác tại Đà Nẵng, nên cụ L đã nhờ bà trông coi nhà đất trên. Năm 1976, cụ L về quê, định bán nhà, chuyển nhượng đất trên cho ông Phan Văn T2, nhưng cụ T1 không đồng ý cụ L bán nhà, chuyển nhượng đất cho người ngoài. Vì vậy, cụ T1 và bà đã mua lại nhà, nhận chuyển nhượng đất của cụ L với giá 6000đ, nhưng không lập giấy tờ gì. Sau này, để hợp thức hóa việc mua bán nhà, chuyển nhượng đất cụ T1 đã thống nhất để cụ L lập “*Giấy phân quyền sử dụng vườn cây, nhà ở*” ngày 08/3/1993 với nội dung cụ L phân chia toàn bộ diện tích đất cho các con của cụ T1.

Bà yêu cầu được chia như giấy phân quyền ông L đã lập. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu chia đất theo như yêu cầu trước đây của bà.

Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số 02/2020/DS-GĐT ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý lại vụ án, bà A ủy quyền ông Nguyễn Phúc Q. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q làm việc nhưng ông Q không đến Tòa và có đơn xin vắng mặt.

* Các ông, bà Nguyễn Thị Minh S, Nguyễn Thị Hoàng M, Nguyễn Minh N2, Nguyễn Minh C1, Nguyễn Thị Kim C2 và ông Ngô Công P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Kim N5 và là người đại diện theo ủy quyền của những người con của bà N5) trình bày: Thống nhất lời trình bày của các bị đơn.

* Quá trình giải quyết vụ án:

1. *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/DSST ngày 27/5/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:*

- Chấp nhận ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ trên thửa đất, số ký hiệu 2665, diện tích 7.494,8m² tại đường H, khối Phú Hiệu B, phường Q, thị xã Q thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Nguyễn Văn L và cụ Hồ Thị Thanh H.

- Buộc vợ chồng ông K9, bà H2 và vợ chồng ông L3, bà H3 phải giao nhà, công trình phụ trên thửa đất ký hiệu số 2665 cho vợ chồng cụ L cụ H trọn quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất vườn, cùng một số cây lâu năm khác trên đất.

- Cụ L, cụ H có trách nhiệm trả lại cho ông K1, bà H2 giá trị tiền nhà chính và các công trình phụ là 26.464.610 đồng; giá trị tiền cây 16.575.000 đồng. Ông K1, bà H2 phải tự xử lý chuyển đi nơi khác gồm 15 cây mai lớn và một số cây mai nhỏ mới trồng để giao đất cho vợ chồng cụ L. Buộc vợ chồng cụ L, cụ H phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông L3, bà H3 giá trị tiền nhà chính và các công trình phụ là 30.792.240 đồng, giá trị tiền cây là 1.510.000 đồng. Ông L3, bà H3 tự chuyển đi nơi khác 06 cây nguyệt quế hương và 10 cây dừa nước (cây kiếng) để giao đất cho vợ chồng cụ L, cụ H. Cụ L, cụ H được quyền đăng ký sở hữu nhà và quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông K1 và vợ chồng ông L3 giao.

- Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng cụ L, cụ H cho vợ chồng ông K1 500m² đất, vợ chồng ông L3 400m² đất, bà Kim A 400m² đất trong thửa 2665 (có ghi rõ tứ cận)

- Vợ chồng ông K1, vợ chồng ông L3 và bà Kim A được quyền sử dụng mảnh đất nói trên, có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Hủy bỏ Giấy phân quyền sử dụng vườn cây nhà ở ngày 08/3/1993 do cụ Nguyễn Văn L lập. Hủy bỏ Bản chúc thư ngày 15/01/1994 do cụ Nguyễn Văn T1 và cụ Vũ Thị N4 lập.

Ông Nguyễn Văn K10, bà Tạ Thị Đan H2, ông Nguyễn Văn L8 và bà Nguyễn Thị H3 có đơn kháng cáo.

2. *Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2004/DSPT ngày 26/11/2004, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Sửa về phần án phí, giữ nguyên các phần khác của bản án sơ thẩm.*

Ông Nguyễn Minh K1, ông Nguyễn Minh L3 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

3. *Tại Quyết định tái thẩm số 34/2010/DS-TT ngày 16/8/2010 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:*

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2004/DSPT ngày 26/11/2004 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/DSST ngày 27/5/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2013/DSST ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:*

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của cụ Hồ Thị Thanh H về việc đòi bị đơn trả lại căn nhà cấp 4 và cây ăn trái lâu năm.

- Buộc vợ chồng ông K1, bà H2 phải tháo dỡ toàn bộ nhà cửa cùng các công trình phụ, giếng nước và thu dọn chuyển đi nơi khác toàn bộ hoa màu, cây ăn quả, cây lâu năm, cây cảnh có trên đất để giao lại mặt bằng diện tích 7.494,8m² đất, tại số hiệu 2665, tờ bản đồ số 3, phường Q, số G H, thành phố Q cho cụ Hồ Thị Thanh H, ông Nguyễn Khánh L1.

- Buộc vợ chồng ông L3, bà H3 phải tháo dỡ toàn bộ nhà cửa cùng các công trình phụ trên đất và thu dọn chuyển đi nơi khác toàn bộ hoa màu, cây ăn quả, cây lâu năm, cây cảnh ... có trên đất để giao lại mặt bằng diện tích 419m² đất, tại số hiệu 2665, tờ bản đồ số 3, phường Q, số G H, thành phố Q cho cụ H, ông L1.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ H, ông L1 cho vợ chồng ông K1 500m², vợ chồng ông L3 400m², bà Kim A 400m² ở vị trí cuối mảnh vườn. Tổng diện tích là 1.300m² (có sơ đồ tứ cận kèm theo).

- Vợ chồng ông K1, vợ chồng ông L3 và bà Kim A có trách nhiệm kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với diện tích đất cụ H cho. Cụ H, ông L1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại sau khi trừ số diện tích đất đã cho ông K1, ông L3 và bà Kim A.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà H hỗ trợ cho ông K1, ông L3 mỗi người 20.000.000 đồng để tháo dỡ nhà cửa, vận chuyển cây cối trong vườn đi nơi khác.

- Hủy bỏ “Giấy phân quyền sử dụng vườn cây, nhà ở” và “Giấy xin chuyển quyền sử dụng đất vườn” cùng đề ngày 08/3/1993, cùng có tên người lập là Nguyễn Văn L.

- Hủy bỏ “Bản chúc thư” đề ngày 15/01/1994 do cụ T1, cụ N8 lập.

Các ông bà Nguyễn Minh L3, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Minh K1, Tạ Thị Đan H2, Nguyễn Thị Minh S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Tấn K2, Ngô Công P có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

5. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2013/DS-PT ngày 26/9/2013, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Sửa về phần ghi nhận tự nguyện hỗ trợ, cụ thể:

- Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của cụ H hỗ trợ cho ông K1, ông L3 mỗi người 30.000.000 đồng. Cụ H, ông L1 có trách nhiệm thanh toán cho ông K1, bà H2 giá trị 43.039.610 đồng và giữ nguyên các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm.

6. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 18A/2015/QĐ-HĐTP ngày 20/5/2015, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2013/DS-PT ngày 26/9/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2013/DSST ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Hồ Thị Thanh H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn L. Buộc vợ chồng ông K1, vợ chồng ông L3 phải trả lại cho cụ H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ L ½ diện tích thửa đất số 2665, tờ bản đồ số 3 nằm trên đường H, thuộc Tổ G, phường Q, thành phố Q là 3.956,9 m² (7.913,8 m²:2) (có sơ đồ tứ cận cụ thể).

- Các cây lâu năm có trên đất tiếp tục giao cho cụ H, vợ chồng ông K1, vợ chồng ông L3 phải có trách nhiệm thu hoạch cây ngắn ngày và dỡ dọn toàn bộ tài sản trên đất (nếu có) để giao trả lại đất cho cụ H và các con cụ H.

- Không chấp nhận một phần đơn khởi kiện của cụ H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ L về đòi lại quyền sử dụng đất là 3.956,8m².

Cụ H, vợ chồng ông K1, vợ chồng ông L3, ông Nguyễn Minh N2, anh Nguyễn Tấn K2, bà Nguyễn Thị Minh S, anh Ngô Công P và bà Nguyễn Thị Kim A có đơn kháng cáo.

8. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2017/DSPT ngày 03/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Công P.

- Bác kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 22/5/2017, ông Nguyễn Minh L3 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

9. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2020/DS-GĐT ngày 16/01/2020, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2017/DSPT ngày 03/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 23 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Hồ Thị Thanh H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh K1, bà Tạ Thị Đan H2 và vợ chồng ông Nguyễn Minh L3 bà Nguyễn Thị H3 phải trả lại cho cụ Hồ Thị Thanh H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn L thửa đất số 2665, tờ bản đồ số 3 (bản đồ năm 2000) phường Q, thành phố Q, loại đất T, diện tích đo đạc thực tế 8.294,6m².

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh H; nhận thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

- Theo “Bản chúc thư” ngày 20/9/1949 của vợ chồng cố Trần Thị K8 (chết năm 1974), cố Nguyễn L6 (chết năm 1957) thì cụ Nguyễn Văn L được chia lô đất thổ cư, vườn có số hiệu 1589, diện tích 01 mẫu 6 sào 7 thước (tương đương với 8.160m²).

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận thừa đất số 2665 (trước đây có số hiệu 1589) tại phường Q, thành phố Q do cụ L được hưởng thừa kế theo “Bản chúc thư” ngày 20/9/1949 của vợ chồng cố Kịch (chết năm 1974), cố L6 (chết năm 1957) nêu trên.

- Cụ L và cụ H kết hôn trước năm 1975; như vậy theo Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959: “*Vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”. Do đó thừa đất nói trên có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng cụ L, cụ H.

[1.2]. Quá trình quản lý, sử dụng và biến động:

- Phía nguyên đơn cho rằng, sau khi được cha mẹ cho đất, cụ L làm nhà cấp 4, xây 01 giếng nước và trồng một số cây ăn trái. Năm 1954 cụ L tập kết ra B nên gửi lại nhà, đất cho cố Kịch trông coi. Sau năm 1975, cụ L về lại quê thì cụ T1 giao lại nhà, đất cho cụ L, do cụ H và cụ L lúc này đang công tác tại thành phố Đà Nẵng nên hai cụ nhờ bà Nguyễn Thị Kim A (con của cụ Nguyễn Văn T1 và cụ Nguyễn Thị N9) ở trông coi giúp. Năm 1993 ông Nguyễn Minh L3 và ông Nguyễn Minh K1 đến chiếm ở; phía nguyên đơn đã nhiều lần đòi lại nhà, đất trên nhưng ông L3 và ông K1 không trả. Nguyên đơn khẳng định: Từ trước đến nay, nguyên đơn chưa lần nào bán nhà đất cho ai cả, bản thân cụ L khi còn sống cũng chưa bao giờ phân chia nhà, đất cho các con của cụ T1.

- Phía bị đơn cho rằng, năm 1976 cụ L về quê, định bán nhà, chuyển nhượng đất trên cho ông Phan Như T3; vì không muốn cụ L bán nhà, đất cho

người ngoài, nên vợ chồng cụ T1 đã mua lại toàn bộ nhà, đất này. Sau đó nhằm hợp thức hóa việc chuyển nhượng nhà đất này giữa cụ L và cụ T1, nên ngày 08/3/1993 cụ L đã lập “*Giấy phân quyền sử dụng vườn cây, nhà ở*” và “*Giấy xin chuyển quyền sử dụng đất nhà*” cho các con của cụ T1 (kèm theo sơ đồ phân chia đất và 06 giấy có nội dung cụ L đề nghị Chính quyền địa phương cho phép 06 người con của cụ T1 làm nhà trên phân đất được chia). Theo “*Giấy phân quyền sử dụng vườn cây, nhà ở*” ngày 08/3/1993, cụ L triệu tập Hội đồng gia tộc để phân chia toàn bộ nhà, đất tại thửa số 129, thửa số 207 (nay là thửa 2665) cho các con cụ T1, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Q ngày 20/4/1993; giấy này có chữ ký của cụ L, cụ T1, cụ N9, 06 người con của cụ T1 và một số người đại diện nội tộc. Tại Biên bản giải quyết ngày 02/10/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Q, cụ Lữ thừa n chữ ký trong “*Giấy phân quyền sử dụng vườn cây, nhà ở*” ngày 08/3/1993 là của mình. Mặt khác, tại các kết luận giám định số 183/C21 (P6) ngày 18/3/2009 và số 281/C54-P5 ngày 29/9/2011 của V1 - Bộ C4 đã kết luận chữ viết tay và chữ ký đứng tên của cụ L tại “*Giấy xin chuyển quyền sử dụng đất nhà*” ngày 08/3/1993 với chữ viết tay, chữ ký của cụ L là chữ viết, chữ ký của cùng một người. Do đó, có căn cứ xác định ngày 08/3/1993 cụ L đã lập văn bản phân chia toàn bộ nhà, đất tại thửa số 2665 cho các con cụ T1.

- Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn còn cung cấp Bức thư ngày 30/3/1993 có đề tên người viết là Hồ Thị Thanh H; với nội dung; “*Kính thưa anh chị Sáu*” (vợ chồng cụ T1); *Năm 1976, vợ chồng cụ T1 có hứa cho chồng cụ H tiền để thuê nhà tại Đà Nẵng nhưng không thực hiện, nên bức bách chồng cụ H đã viết giấy bán vườn cho bà A với giá 3000 đồng; sau năm 1989, cụ H đã hoàn lại số tiền mà chồng cụ H nhận của bà A vào năm 1976...; vợ chồng cụ H có bàn bạc phân chia vườn ra để cho nhẹ thuế, ai ở đâu thì đóng thuế ở đó; nghĩ tình anh chị và công sức của cháu A đã giữ lại cho chúng em, chúng em cho mỗi cháu một ít, cháu trai cũng như cháu gái bởi vì bây giờ bình đẳng rồi; nếu cháu nào không nhận thì cụ H khai báo và đóng thuế năm 1993 tại Đà Nẵng; vườn mà không chia thì sau này hai con của cụ H sẽ tiếp quản lý vườn nhà mà ông bà nội nó cho ba mẹ nó...”. Nội dung của bức thư trên phù hợp với lời khai của vợ con cụ T1 về các sự việc cụ L bán nhà đất trên cho gia đình cụ T1 vào năm 1976 và cụ L phân chia toàn bộ nhà đất trên cho các con cụ T1 vào năm 1993. Cụ H không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Bức thư ngày 30/3/1993 là của cụ; tuy nhiên tại Kết luận giám định số 548/KLGD-PC09 ngày 10/7/2021 của Phòng K11 - Công an tỉnh Q kết luận chữ viết và chữ ký trong bức thư trên là của cụ H.*

[1.3]. Với nội dung phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng án lệ số 04/2016/AL (do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua và được công bố tại Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao) để xác định cụ L đã bán nhà đất tại thửa số 2665 cho gia đình cụ T1 vào năm 1976 để lo nhà ở Đà Nẵng, sau đó để hợp pháp hóa việc mua bán trên, cụ L lập văn bản phân chia toàn bộ nhà đất này cho các con cụ T1 và gia đình cụ T1 đã quản lý, sử dụng nhà đất liên tục từ năm 1976 cho đến nay; cụ H biết các sự kiện trên nhưng không phản đối nên có căn cứ xác định cụ H đã

đồng ý với việc cụ L định đoạt tài sản chung (nhà đất trên) của vợ chồng. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Hồ Thị Thanh H kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên bà H được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị Thanh H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào